

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NĂM 2023

I. KẾ HOẠCH TỔNG THỂ:

Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của các khoa năm 2023;

Nhà trường xây dựng Kế hoạch đào tạo chung năm 2023 như sau:

- Từ 01/01/2023 đến 31/7/2023: **30 tuần**

Trong đó:

+ Học trên lớp và thi học kỳ: 27 tuần

+ Nghỉ Tết Nguyên Đán: 3 tuần

- Từ 01/8/2023 đến 31/12/2023: **22 tuần**

+ Nghỉ hè (đối với các lớp ban ngày): 5 tuần

+ Học trên lớp và thi học kỳ: 17 tuần

II. KẾ HOẠCH CHI TIẾT:

A. ĐỐI VỚI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP:

1. Chuyên ngành THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP

1.1. Lớp TK421:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHTK4311	Thống kê doanh nghiệp	3	90	30	56	4	Khoa TK-CNTT	04/01 – 13/03/2023
	2	MHTK4402	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	4	90	45	40	5		26/5-03/7/2023
	3	MHTK4315	Thống kê dân số, lao động việc làm	3	90	30	55	5		15/07-18/08/2023
	4	MHTK4320	Tin học thống kê	3	90	30	55	5		21/8-09/10/2023
Cộng				13	360	135	206	19		

1.2. Lớp TK422: (Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
HK II	1	MHTK4313	Thống kê kinh tế	3	90	30	57	3	Khoa TK-CNTT	08/03 - 28/04/2023
	2	MHTK4315	Thống kê dân số, lao động việc làm	3	90	30	55	5		23/3-08/6/2023
	3	MHKT4402	Nguyên lý kế toán	4	90	45	40	5	Khoa KT-TC	03/05 – 21/06/2023
	4	MHTK4244	Kinh tế vi mô	2	60	18	39	3	Khoa KT-QTKD	13/06-05/10/2023
	5	MHTK4320	Tin học thống kê	3	90	30	55	5	Khoa TK-CNTT	06/9-25/10/2023
Cộng				15	420	153	246	21		
HK III	1	MHTK4311	Thống kê doanh nghiệp	3	90	30	56	4	Khoa TK-CNTT	10/10-21/12/2023
	2	MHTK4321	Lập bảng biểu thống kê	3	90	30	57	3		27/10-15/12/2023
Cộng				6	180	60	113	7		

2. Chuyên ngành QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH

2.1. Lớp QM 421:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHTH4307	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	3	75	20	52	3	Khoa TK-CNTT	18/01 - 10/03/2022
	2	MHTH4209	Công nghệ mạng không dây	2	60	15	43	2		12/03 - 07/4/2022
Cộng				5	135	35	95	5		
III	1	MHTH4313	Xử lý sự cố phần mềm	3	75	20	52	3	Khoa TK-CNTT	30/03 - 01/06/2023
	2	MHTH4510	Quản trị mạng	5	150	40	105	5		07/04 - 05/07/2023
	3	MHTH4314	An toàn mạng	3	75	20	52	3		06/06 - 08/08/2023

	4	MHTH4311	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	3	90	20	66	4	Khoa TK-CNTT	07/07 - 28/08/2023
	5	MHTH4312	Chuyên đề	3	115	20	91	4		10/08 - 16/11/2023
Cộng				17	505	120	366	19		

2.2. Lớp QM 422:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
I	1	MHTH4203	Mạng máy tính	2	60	20	38	2	Khoa TK-CNTT	20/02-24/03/2023
	2	MHTH4304	Thiết kế Web cơ bản	3	75	20	52	3		28/02-04/05/2023
Cộng				5	135	40	90	5		
II	1	MHTH4306	Hệ quản trị CSDL (Access/My SQL)	3	75	20	52	3	Khoa TK-CNTT	27/03 - 03/04/2023
	2	MHTH4405	Lắp ráp - cài đặt - bảo trì máy tính	4	120	30	85	5		05/04-14/06/2023
	3	MHTH4308	Cấu hình, quản trị thiết bị và bảo trì hệ thống mạng	3	90	20	66	4		09/05-26/09/2023
	4	MHTH4307	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	3	75	20	52	3		06/09-18/10/2023
	5	MHTH4209	Công nghệ mạng không dây	2	60	15	43	2		28/09-16/11/2023
	6	MHTH4510	Quản trị mạng	5	150	40	105	5		23/10-19/01/2024
Cộng				20	570	145	403	22		
III	4	MHTH4311	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	3	90	20	66	4	Khoa TK-CNTT	21/11-01/02/2024
Cộng				3	90	20	66	4		

3. Chuyên ngành THIẾT KẾ TRANG WEB

3.1. Lớp TW422:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
I	1	MHTH22404	Thiết kế và xử lý ảnh Photoshop	4	90	30	55	5	Khoa TK-CNTT	10/02 - 24/04/2023

Cộng				4	90	30	55	5		
II	1	MHTH22414	Mạng máy tính	3	60	30	27	3	Khoa TK- CNTT	14/03- 04/05/2023
	2	MHTH23407	Tổ chức và thiết kế Website (Dreamweaver)	4	90	30	55	5		26/04- 19/06/2023
	3	MHTH23406	Thiết kế Layout Web (Photoshop)	4	90	30	55	5		09/05- 26/09/2023
	4	MHTH23405	Lập trình Web căn bản	4	90	30	55	5		06/09- 25/10/2023
	5	MHTH23408	Hệ quản trị Cơ sở dữ liệu (SQL server)	4	90	30	55	5		28/09- 12/12/2023
	6	MHTH23409	Quản trị hệ thống WebServer và MailServer	4	90	30	56	4		27/10- 18/12/2023
Cộng				23	510	180	303	27		

4. Chuyên ngành KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

4.1. Lớp KT421B:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng g	LT	TH	KT		
III	1	MHTK54312	Kế toán XL và ĐTXD cơ bản	3	75	30	39	6	Khoa KT-TC	06-03 - 20/04/2023
	2	MHKT4407	Thực tập nghề nghiệp	4	180		174	6		24-04 - 24/05/2023
	3	MHKT41010	Thực tập tốt nghiệp	10	450		442	8		25-05 - 11/08/2023
Cộng				17	705	30	655	20		

4.2. Lớp KT422A

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng g	LT	TH	KT		
III	1	MHKT4409	Kế toán máy	4	105	37	62	6	Khoa KT- TC	06/01- 15/03/2023
	2	MHTK54312	Kế toán XL và ĐTXD cơ bản	3	75	30	39	6		17-03- 19/04/2023
	3	MHKT4407	Thực tập nghề nghiệp	4	180		174	6		24/04 - 24/05/2023
	4	MHKT41010	Thực tập tốt nghiệp	10	450		442	8		26/05 - 15/08/2023
Cộng				21	810	67	717	26		

4.3. Lớp KT422B:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHKT4404	Kế toán tài chính	4	105	37	62	6	Khoa KT-TC	27/02-28/04/2023
	2	MHKT4303	Thuế	3	60	22	34	4		04/05 - 22/06/2023
	3	MHKT4306	Thực hành khai báo thuế	3	60	22	34	4		03/05 - 05/06/2023
	4	MHKT4408	Thực hành kế toán	4	90	34	50	6		12/06 - 04/10/2023
Cộng				14	315	115	180	20		
III	1	MHKT4409	Kế toán máy	4	105	37	62	6	Khoa KT-TC	05/09 - 30/11/2023
	2	MHTK54312	Kế toán XL và ĐTXD cơ bản	3	75	30	39	6		09/10 - 20/11/2023
	3	MHKT4407	Thực tập nghề nghiệp	4	180		174	6		22/11 - 25/12/2023
Cộng				11	360	67	275	18		

5. Chuyên ngành KẾ TOÁN

Lớp KTO 422:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHT&KKQTT 430522	Thuế và thực hành kê khai, quyết toán thuế	3	90	27	60	3	Khoa KT-TC	28/02-18/05/2023
	2	MHKTTC45053	Kế toán tài chính	5	120	36	79	5		27/02-08/05/2023
	3	MHKTNSXP44 054	Kế toán ngân sách xã, phường	4	90	27	60	3		10/05-30/06/2023
	4	MHKTMDV4 4055	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	4	90	27	60	3		23/05-10/10/2023
	5	MHKTHCSN44 056	Kế toán đơn vị hành chính, sự nghiệp	4	90	27	60	3		04/09-23/10/2023
Cộng				20	480	144	319	17		

III	1	MHTHKT43057	Thực hành kế toán	3	90	27	60	3	Khoa KT- TC	12/10 - 26/12/2023
	2	MHKTM43058	Kế toán máy	3	90	27	60	3		25/10 - 13/12/2023
Cộng				6	180	54	120	6		

6. Chuyên ngành LOGISTICS

6.1. Lớp LO 421:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHTK4244	Kinh tế vi mô	2	60	18	39	3	Khoa KT- QTKD	03/01/23 - 18/02/23
	2	MHKD4321	Nghiệp vụ ngoại thương	3	90	27	58	5		04/01/23 - 06/03/23
	3	MHQT4338	Quản trị vận tải đa phương tiện	3	75	22	49	4		15/05/23 - 31/6/23
	4	MHTN4843	Thực tập tốt nghiệp	8	350	5	345			01/06 - 31/07/23
Cộng				16	575	72	491	12		

6.2. Lớp LO 421B:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHKD4321	Nghiệp vụ ngoại thương	3	90	27	58	5	Khoa KT- QTKD	16/02- 04/05/2023
	2	MHQT4332	Quản trị kho bãi và tồn kho	3	75	22	49	4		03/04- 07/06/2023
	3	MHQT4338	Quản trị vận tải đa phương tiện	3	75	22	49	4		09/05- 12/09/2023
	4	MHTN4843	Thực tập tốt nghiệp	8	350	5	345			15/09- 17/11/2023
Cộng				17	590	76	501	13		

6.3. Lớp LO 422A:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHTK4244	Kinh tế vi mô	2	60	18	39	3	Khoa KT-QTKD	03/01 - 18/02/23
	2	MHKD4225	Pháp luật về Logistic	2	45	15	27	3		21/02 - 11/3/23
	3	MHKD4321	Nghiệp vụ ngoại thương	3	90	27	58	5		14/3 - 22/4/23
	4	MHQT4338	Quản trị vận tải đa phương tiện	3	75	22	49	4		25/4 - 30/5/23
	5	MHQT4332	Quản trị kho bãi và tồn kho	3	75	22	49	4		01/06 - 04/07/23
Cộng				13	345	104	222	19		
III	1	MHKD4318	Nghiệp vụ dịch vụ khách hàng	3	90	27	58	5	Khoa KT-QTKD	06/07 - 15/08/23
	2	MHKD4341	Thủ tục hải quan	3	90	27	58	5		19/08 - 30/09/23
	3	MHKD4319	Nghiệp vụ giao nhận hàng	3	90	27	58	5		03/10 - 11/11/23
	4	MHKD4344	Thương mại điện tử	3	90	27	58	5		14/11 - 23/12/23
	5	MHTN4843	Thực tập tốt nghiệp	8	350	5	345			25/12 - 11/03/23
Cộng				20	710	113	577	20		

6.4 Lớp LO 422B:(Tốt nghiệp THCS)

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
I	1	MHKD4313	Logistics căn bản	3	90	27	58	5	Khoa KT-QTKD	10/02/23 – 03/4/23
Cộng				3	90	27	58	5		
II	1	MHKD4225	Pháp luật về Logistic	2	45	15	27	3	Khoa KT-QTKD	28/02/23 - 04/4/23
	2	MHKD4318	Nghiệp vụ dịch vụ khách hàng	3	90	27	58	5		05/04 - 29/05/2023
	3	MHKD4341	Thủ tục hải quan	3	90	27	58	5		06/04 - 22/06/2023

II	4	MHKD4319	Nghiệp vụ giao nhận hàng	3	90	27	58	5	Khoa KT-QTKD	31/05 - 25/09/2023
	5	MHKD4344	Thương mại điện tử	3	90	27	58	5		27/06 - 14/11/2023
	6	MHCTC4103	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2		Học ngày thứ bảy trong tuần bắt đầu từ tháng 4/23
	7	MHCQP4204	Giáo dục Quốc phòng- An ninh	2	45	21	21	3		
Cộng				17	480	148	304	28		
III	1	MHKD4321	Nghiệp vụ ngoại thương	3	90	27	58	5	Khoa KT-QTKD	29/09 - 20/11/2023
	2	MHQT4332	Quản trị kho bãi và tồn kho	3	75	22	49	4		16/11 - 18/01/2024
Cộng				6	165	49	107	9		

B. ĐỐI VỚI TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG:

1. Chuyên ngành KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP:

1.1. Lớp KT520B:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
V	1	MHKT5509	Thực tập nghề nghiệp	5	225		215	10	Khoa KT-TC	03/01 - 20/03/23
	2	MHKT51014	Thực tập tốt nghiệp	10	450		440	10		
Cộng				15	675		655	20		

1.2. Lớp KT521A:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
IV	1	MHTK5409	Thống kê DN	4	90	43	41	6	Khoa TK-CNTT	04/01 - 06/03/2023
	2	MHTH5201	Kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao	2	90		84	6		08/03 - 17/04/2023
Cộng				6	180	43	125	12		
V	1	MHKT5509	Thực tập nghề nghiệp	5	225		215	10	Khoa KT-TC	01/03 - 12/04/2023
	2	MHKT51014	Thực tập tốt nghiệp	10	450		440	10		13/04 - 29/06/2023
Cộng				15	675		655	20		

1.3. Lớp KT521B:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHKT5407	Tài chính doanh nghiệp	4	105	43	56	6	Khoa KT-TC	03/01-11/03/2023
	2	MHTK5409	Thống kê DN	4	90	43	41	6	Khoa TK-CNTT	04/01-06/03/2023
	3	MHKT5310	Kiểm toán	3	75	35	34	6	Khoa KT-TC	14/03 - 15/04/2023
Cộng				11	270	121	131	18		
IV	1	MHTH5201	Kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao	2	90		84	6	Khoa TK-CNTT	08/03-17/04/2023
	2	MHKT5412	Kế toán máy	4	105	43	56	6	Khoa KT-TC	18/04 - 06/06/2023
	3	MHKNM5302	Kỹ năng mềm	3	105	15	84	6	Khoa KT-QTKD	19/04 - 07/06/2022
	4	MHKT5415	Kế toán xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản	4	90	43	41	6	Khoa KT-TC	08/06 - 18/07/2023
	5	MHKT5413	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	4	90	43	41	6		20/07 - 29/08/2023
	6	MHKT5411	Thực hành kế toán	4	105	43	56	6		31/08 - 19/10/2023
Cộng				21	585	187	362	36		

1.4. Lớp KT521C:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
IV	1	MHKT5310	Kiểm toán	3	75	35	34	6	Khoa KT-TC	01/03 - 03/04/2023
	2	MHTH5201	Kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao	2	90		84	6	Khoa TK-CNTT	08/03-17/04/2023
	3	MHTK5409	Thống kê DN	4	90	43	41	6		14/03 - 16/05/2023

	4	MHKT5407	Tài chính doanh nghiệp	4	105	43	56	6	Khoa KT-TC	05/04 - 24/05/2023
	5	MHKNM5302	Kỹ năng mềm	3	105	15	84	6	Khoa KT-QTKD	19/04 - 07/06/2023
Cộng				16	465	136	299	30		
V	1	MHKT5509	Thực tập nghề nghiệp	5	225		215	10	Khoa KT-QTKD	12/06 - 21/07/2023
	2	MHKT51014	Thực tập tốt nghiệp	10	450		440	10		24/07 - 07/10/2023
Cộng				15	675		655	20		

1.5. Lớp KT522A, C:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHKT5406	Kế toán HCSN	4	105	43	56	6	Khoa KT-TC	06/02 - 24/03/2023
	2	MHKT5404	Kế toán tài chính 1	4	105	43	56	6		27/03 - 15/05/2023
	3	MHTK5202	Nguyên lý thống kê	2	60	18	39	3	Khoa TK-CNTT	17/05 - 12/06/2023
	4	MHKT5308	Thực hành khai báo thuế	3	75	35	34	6	Khoa KT-TC	14/06 - 17/07/2023
Cộng				13	345	139	185	21		
III	1	MHTK5409	Thống kê DN	4	90	43	41	6	Khoa TK-CNTT	19/07 - 28/08/2023
	2	MHKT5413	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	4	90	43	41	6	Khoa KT-TC	30/08 - 06/10/2023
	3	MHKT5415	Kế toán xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản	4	90	43	41	6		09/10 - 20/11/2023
	4	MHKT5405	Kế toán tài chính 2	4	105	43	56	6		24/11/23 - 08/01/2024
Cộng				16	375	172	179	24		

1.6. Lớp KT522B:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHKT5308	Thực hành khai báo thuế	3	75	35	34	6	Khoa KT-TC	09/02 - 30/03/2023
	2	MHKT5404	Kế toán tài chính 1	4	105	43	56	6		01/03 - 17/04/2023

Cộng				7	180	78	90	12		
III	1	MHCQP5404	Giáo dục QP-AN	4	75	36	35	4	Khoa KT- QTKD	Học các ngày chủ nhật – Tháng 02/2023
	2	MHCTC5203	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4		
	3	MHKT5413	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	4	90	43	41	6	Khoa KT- TC	04/04 - 06/06/2023
	4	MHKT5405	Kế toán tài chính 2	4	105	43	56	6		19/04 - 07/06/2023
	5	MHKT5310	Kiểm toán	3	75	35	34	6		08/06 – 27/07/2023
	6	MHKT5415	Kế toán xây lắp và đầu tư xây dựng cơ bản	4	90	43	41	6		09/06 - 19/07/2023
Cộng				21	495	205	258	32		
IV	1	MHKT5411	Thực hành kế toán	4	105	43	56	6	Khoa KT- TC	04/09 - 20/10/2023
	2	MHKT5407	Tài chính doanh nghiệp	4	105	43	56	6		05/09 - 14/11/2023
	3	MHKT5412	Kế toán máy	4	105	43	56	6		23/10 - 08/11/2023
	4	MHTK5409	Thống kê DN	4	90	43	41	6	Khoa TK- CNTT	13/11 - 22/12/2023
Cộng				16	405	172	209	24		

2. Chuyên ngành THỐNG KÊ DOANH NGHIỆP:

2.1. Lớp TK521B:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
IV	1	MHTK5409	Thống kê doanh nghiệp	4	105	45	55	5	Khoa TK- CNTT	04/01 - 13/03/2023
	2	MHTK5411	Thống kê TM và DV	3	90	30	56	4		23/02 - 04/04/2023
	3	MHKNM530 2	Kỹ năng mềm	3	105	15	84	6	Khoa KT- QTKD	19/04 - 07/06/2023
Cộng				10	300	90	195	15		
V	1	MHTK5613	Thực tập nghề nghiệp	4	180		180		Khoa TK- CNTT	01/06 - 03/07/2023
	2	MHTK5614	Thực tập tốt nghiệp	6	270		270			05/07 - 21/08/2023
Cộng				10	450		450			

2.2 Lớp TK522:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHTK5409	Thống kê doanh nghiệp	4	105	45	55	5	Khoa TK-CNTT	04/01 - 13/03/2023
	Cộng				4	105	45	55		
III	1	MHTK5411	Thống kê TM và DV	3	90	30	56	4	Khoa TK-CNTT	23/02 - 04/04/2023
	2	MHTK5401	Lý thuyết xác suất và Thống kê toán	3	90	30	56	4		26/05 - 03/07/2023
	3	MHTK5406	Thống kê DS, LĐVL	4	100	45	50	5		05/07 - 18/08/2023
	4	MHTK5410	Tin học thống kê	4	105	45	55	5		21/08 - 09/10/2023
	5	MHTK5408	Thống kê kinh tế	4	105	45	57	3		11/10 - 27/11/2023
Cộng				18	490	195	274	21		
IV	1	MHTK5404	Lập bảng biểu Thống kê	4	90	45	40	5	Khoa TK-CNTT	29/11 - 10/01/2024
Cộng				4	90	45	40	5		

3. Chuyên ngành PHIÊN DỊCH TIẾNG ANH THƯƠNG MẠI:

3.1. Lớp PD521:

Học kỳ	TT	Mã môn	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHPD5306	Tiếng Anh Tài chính- Ngân hàng	3	90	32	54	4	Khoa Ngoại Ngữ	01/2- 20/02/2023
	2	MHPD5514	Tiếng Anh thương mại	5	150	45	102	3		27/03- 31/03/2023
	3	MHPD5301	Lý thuyết dịch	3	60	30	28	2		07/4- 19/4/2023
Cộng				11	300	107	184	9		
IV	1	MHPD5503	Thực hành Biên dịch thương mại 1	5	140	52	82	6	Khoa Ngoại Ngữ	24/4- 26/5/2023
	2	MHPD5606	Thực hành Biên dịch thương mại 2	6	145	62	77	6		02/06 - 03/07/2023
	3	MHPD5403	Thực hành Phiên dịch thương mại 1	4	120	40	76	4		10/07- 04/08/2023

	4	MHPD5405	Thực hành Phiên dịch thương mại 2	4	120	40	76	4		11/8-08/9/2022
	5	MHPD5307	Thực tập nghề nghiệp phiên dịch	3	120	0	120			15/9-06/10/2023
Cộng				22	645	194	431	20		
V	1	MNPD5510	Thực tập tốt nghiệp	5	225		225		Khoa Ngoại Ngữ	09/10-18/11/2023
Cộng				5	225		225			

4. Chuyên ngành TIẾNG ANH

4.1. Lớp TA521:

Học kỳ	TT	Mã môn	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHTA5407	Phát âm Tiếng Anh	4	135	32	99	4	Khoa Ngoại Ngữ	01/02 - 03/04/2023
Cộng				4	135	32	99	4		
IV	1	MHTA5506	Ngữ pháp Tiếng Anh	5	145	42	99	4	Khoa Ngoại Ngữ	05/04 - 09/06/2023
	2	MHTA5310	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	3	90	32	54	4		13/06 - 22/07/2023
	3	MHTA5308	Kỹ năng viết báo cáo	3	90	32	54	4		25/07 - 05/09/2023
	4	MHTA5512	Thực tập tốt nghiệp	5	225		220	5		08/09 - 03/11/2023
Cộng				16	550	106	427	17		

4.2. Lớp TA522:

Học kỳ	TT	Mã môn	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHTA5603	Kỹ năng tiếng Anh 2	6	140	64	68	8	Khoa Ngoại Ngữ	05/01 - 30/03/2023
	2	MHTA5407	Phát âm Tiếng Anh	4	135	32	99	4		01/02 - 03/04/2023
Cộng				10	275	96	167	12		
III	1	MHCQP5404	Giáo dục QP-AN	4	75	36	35	4	Khoa Ngoại Ngữ	Học các ngày chủ nhật -Tháng 02-2023
	2	MHCTC5203	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4		
	3	MHTA5604	Kỹ năng tiếng Anh 3	6	140	64	68	8		01/04 - 03/06/2023

	4	MHTA5506	Ngữ pháp Tiếng Anh	5	145	42	99	4		05/04 - 9/6/2023
	5	MHTA5310	Kỹ năng thuyết trình Tiếng Anh	3	90	32	54	4	Khoa NN	13/6- 22/7/2023
Cộng				20	510	179	307	24		
IV	1	MHTA5308	Kỹ năng viết báo cáo	3	90	32	54	4	Khoa Ngoại Ngữ	25/7- 05/9/2023
	2	MHTA5303	Đất nước và văn hoá các nước nói tiếng Anh	3	65	29	34	2		7/9- 5/10/2023
	3	MHPD5310	Tiếng Anh du lịch - khách sạn	3	90	32	54	4		7/10- 16/11/2023
	4	MHTA5205	Tiếng Anh thư tín thương mại	2	60	24	34	2		18/11- 14/12/2023
Cộng				11	305	117	176	12		

5. Chuyên ngành QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH

5.1. Lớp QM 522:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
I	1	TH12402	Tin học văn phòng	4	90	30	55	5	Khoa TK-CNTT	06/03 - 17/04/2023
	Cộng				4	90	30	55	5	
II	1	TH12403	Kiến trúc máy tính	4	90	30	56	4	Khoa TK-CNTT	19/04 - 31/05/2023
	2	TH12404	Lập trình căn bản	4	90	30	55	5		02/06 - 12/07/2023
	3	TH12405	Cơ sở dữ liệu	3	60	30	27	3		14/07 - 14/08/2023
	4	TH12406	Mạng máy tính	4	75	30	41	4		16/08 - 18/09/2023
	5	TH12407	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access	4	75	30	42	3		20/09 - 23/10/2023
Cộng				19	390	150	221	19		
III	1	MHCQP5404	Giáo dục QP-AN	4	75	36	35	4	Khoa KT-QTKD	Học các ngày chủ nhật -Tháng 02-2023
	2	MHCTC5203	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4		
	3	TH13408	Quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao (MS SQL Server)	4	90	30	56	4	Khoa TK-CNTT	25/10 - 04/12/2023
	4	TH13409	Thiết kế, xây dựng mạng LAN	4	90	30	55	5		06/12 - 19/01/2024
Cộng				14	315	101	197	17		

6. Chuyên ngành QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ:

6.1. Lớp QD 520:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
V	1	MHQT5410	Thực tập nghề nghiệp	4	180	5	175		Khoa KT-QTKD	26/12/22-23/03/23
	2	MHQT5611	Thực tập tốt nghiệp	6	270	5	265			
Cộng				15	645	25	608	12		

6.2. Lớp QD 521A:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
V	1	MHTH5201	Kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao	2	90		84	6	Khoa TK-CNTT	08/03 - 17/04/23
	2	MHKNM5302	Kỹ năng mềm	3	105	15	84	6	Khoa KT-QTKD	19/04 - 07/06/23
	3	MHQT5410	Thực tập nghề nghiệp	4	180	5	175			01/06 - 01/07/23
	4	MHQT5611	Thực tập tốt nghiệp	6	270	5	265			04/07 - 20/08/23
Cộng				15	645	25	608	12		

6.3. Lớp QD 521B:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHQT5403	Quản trị chất lượng	4	120	30	85	5	Khoa KT-QTKD	03/01 - 18/03/23
Cộng				4	120	30	85	5		
IV	1	MHQT5405	Quản trị tài chính DN	4	100	40	55	5	Khoa KT-QTKD	21/3 - 06/5/23
	2	MHTH5201	Kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao	2	90		84	6	Khoa TK-CNTT	08/03 - 17/04/2023
	3	MHKNM5302	Kỹ năng mềm	3	105	15	84	6	Khoa KT-QTKD	19/04 - 07/06/2023

	4	MHKD13329	Phân tích hoạt động kinh doanh	4	105	40	60	5		08/5 - 24/6/23
	5	MHQT5409	Quản trị bán hàng	4	95	40	50	5		27/6 - 05/8/23
	6	MHQT5312	Thương mại điện tử	3	75	30	41	4		08/8 - 09/9/23
Cộng				20	570	165	374	31		
V	1	MHQT5410	Thực tập nghề nghiệp	4	180	5	175		Khoa KT-QTKD	11/09 - 11/10/23
	2	MHQT5611	Thực tập tốt nghiệp	6	270	5	265			16/10 - 01/12/23
Cộng				10	450	10	440			

6.4. Lớp QD522:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ			Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng	
					Tổng	LT	TH			KT
II	1	MHQT5405	Quản trị tài chính DN	4	100	40	55	5	Khoa KT-QTKD	21/3/23 – 06/5/23
	2	MHKD13329	Phân tích hoạt động kinh doanh	4	105	40	60	5		08/5/23 – 24/6/23
	3	MHQT5409	Quản trị bán hàng	4	95	40	50	5		27/6/23 – 05/8/23
Cộng				12	300	120	165	15		
III	1	MHQT5312	Thương mại điện tử	3	75	30	41	4	Khoa KT-QTKD	08/8/23 – 09/9/23
	2	MHKD5311	Pháp luật trong KD	3	75	30	42	3		12/09 - 14/10/2023
	3	MHQT5302	Quản trị marketing	3	90	30	55	5		17/10 - 25/11/2023
	4	MHQT5406	Quản trị nguồn nhân lực	4	105	40	60	5	Khoa KT-QTKD	28/11 - 16/01/2024
Cộng				13	345	130	198	17		

7. Chuyên ngành MARKETING THƯƠNG MẠI

7.1. Lớp MA520:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ			Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng	
					Tổng	LT	TH			KT
V	1	MHKD5315	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3	75	30	42	3	Khoa KT-QTKD	28/02 - 01/04/2023
	2	MHKD5413	Thực tập nghề nghiệp Marketing	4	180	5	175			02/04 - 01/05/2023

	3	MHKD5714	Thực tập tốt nghiệp Marketing	7	315	5	310			02/05 - 27/06/2023
Cộng				14	570	40	527	3		

7.2. Lớp MA521A:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ			Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng	
					Tổng	LT	TH			KT
V	1	MHKD5315	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3	75	30	42	3	Khoa KT-QTKD	28/02 - 01/04/2023
	2	MHTH5201	Kỹ năng ứng dụng CNTT nâng cao	2	90		84	6		08/03 - 17/04/2023
	3	MHKNM5302	Kỹ năng mềm	3	105	15	84	6		19/04 - 07/06/2023
	4	MHKD5413	Thực tập nghề nghiệp Marketing	4	180	5	175			02/04 - 01/05/2023
	5	MHKD5714	Thực tập tốt nghiệp Marketing	7	315	5	310			02/05 - 27/06/2023
Cộng				19	765	55	695	15		

7.3. Lớp MA521B:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ			Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng	
					Tổng	LT	TH			KT
III	1	MHKD5315	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3	75	30	42	3	Khoa KT-QTKD	28/02 - 01/04/2023
Cộng				3	75	30	42	3		
IV	1	MHKD5303	Marketing dịch vụ	3	90	30	55	5	Khoa KT-QTKD	04/04 - 16/05/2023
	2	MHKD5404	Kỹ năng bán hàng	4	105	30	70	5		18/05 - 04/07/2023
	3	MHKD5505	Nghiên cứu marketing	5	145	45	94	6		06/07 - 12/09/2023
	4	MHKD5406	Hành vi người tiêu dùng	4	100	45	51	4		14/09 - 28/10/2023
	5	MHKD5407	Quản trị kênh phân phối	4	100	45	51	4		31/10 - 14/12/2023
Cộng				20	540	195	321	24		

7.4. Lớp MA522:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHKD5315	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3	75	30	42	3	Khoa KT-QTKD	28/02 - 01/04/2023
	2	MHKD5303	Marketing dịch vụ	3	90	30	55	5		04/04 - 16/05/2023
	3	MHKD5404	Kỹ năng bán hàng	4	105	30	70	5		18/05 - 04/07/2023
Cộng				10	270	90	167	13		
III	1	MHKD5505	Nghiên cứu marketing	5	145	45	94	6	Khoa KT-QTKD	06/07 - 12/09/2023
	2	MHKD5406	Hành vi người tiêu dùng	4	100	45	51	4		14/09 - 28/10/2023
	3	MHKD5407	Quản trị kênh phân phối	4	100	45	51	4		31/10 - 14/12/2023
Cộng				13	345	135	196	14		

8. Chuyên ngành LOGISTICS

8.1. Lớp LO521:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
III	1	MHKD13345	Nghiệp vụ ngoại thương	3	60	30	27	3	Khoa KT-QTKD	04/01-06/3/23
Cộng				3	60	30	27	3		
IV	1	MHQT12336	Quản trị chuỗi cung ứng	5	105	45	54	6	Khoa KT-QTKD	09/3 - 25/4/23
	2	MHQT13341	Quản trị vật tư và mua hàng	4	90	30	54	6	Khoa KT-QTKD	26/4 - 24/5/23
	3	MHQT12330	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	5	105	45	54	6		26/5/ - 12/7/23
	4	MHKD13344	Vận tải và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu	5	90	60	24	6		14/7 - 23/8/23
	5	MHKD13323	Quan hệ công chúng	3	60	30	27	3		25/8 - 22/9/23
Cộng				22	450	210	213	27		

V	1	MHKD13334	Chiến lược và chính sách KD	3	60	30	27	3	Khoa KT-QTKD	25/9 - 20/10/23
	2	MHKD13327	Tâm lý kinh doanh	3	60	30	27	3		23/10 - 17/11/23
	3	MHTTNN13372	Thực tập nghề nghiệp	3	135		135			20/11 - 12/12/23
Cộng				9	255	60	189	6		

8.2. Lớp LO522:

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ				Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng
					Tổng	LT	TH	KT		
II	1	MHKTVM52061	Kinh tế vi mô	2	60	17	39	4	Khoa KT-QTKD	03/01 - 18/02/23
	2	MHPLLO52052	Pháp luật về logistics	2	60	17	39	4		22/02 - 20/03/2023
	3	MHQTCU53006	Quản trị chuỗi cung ứng	3	85	24	55	6		09/03 - 25/04/2023
	4	MHNVNT54005	Nghiệp vụ ngoại thương	4	110	31	71	8	Khoa KT-QTKD	22/03 - 12/05/2023
	5	MHVTDPT53058	Quản trị vận tải đa phương tiện	3	85	24	55	6		15/03 - 21/06/2023
Cộng				14	400	113	259	28		
III	1	MHCQP5404	Giáo dục QP-AN	4	75	36	35	4	Khoa KT-QTKD	Học các ngày chủ nhật - Tháng 02-2023
	2	MHCTC5203	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4		
	3	MHQTKBV TK53054	Quản trị kho bãi và tồn kho	3	85	24	55	6		26/06 - 26/07/23
	4	MHNVG NH H54053	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa	4	110	31	71	8		28/07 - 18/09/23
	5	MHTMĐTT L53010	Thương mại điện tử trong Logisctis	3	85	24	55	6		20/09 - 30/10/23
Cộng				16	415	120	267	28		
		MHTTHQ54057	Thủ tục hải quan	4	110	31	71	8		01/11 - 20/12/23
Cộng				4	110	31	71	8		

9. Chuyên ngành QUẢN TRỊ KINH DOANH

9.1. Lớp QT522

Học kỳ	TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Số giờ			Đơn vị thực hiện	Dự kiến thời gian giảng	
					Tổng	LT	TH			KT
II	1	MHNCTT55057	Nghiên cứu thị trường	5	135	38	87	10	Khoa KT-QTKD	21/02 - 22/04/2023
	2	MHQTSX54043	Quản trị sản xuất	4	110	31	71	8		25/04 - 17/06/2023
Cộng				9	245	69	158	18		
III	1	MHQTTTC55044	Quản trị tài chính	5	135	38	87	10	Khoa KT-QTKD	20/06 - 19/08/2023
	2	MHQTCCLg54007	Quản trị chất lượng	4	110	31	71	8		22/08 - 12/10/2023
	3	MHQTTNNL55019	Quản trị nguồn nhân lực	5	135	38	87	10		14/10 - 14/12/2023
Cộng				14	380	107	245	28		

- Kế hoạch có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế.

C. DỰ KIẾN CÁC LỚP TUYỂN SINH NĂM 2023: 485 chỉ tiêu

- Trình độ Trung cấp: 05 lớp, trong đó:

- + Ngành Kế toán doanh nghiệp: 1 lớp
- + Ngành Kế toán: 1 lớp
- + Ngành Thống kê doanh nghiệp: 1 lớp
- + Ngành Quản trị mạng máy tính: 1 lớp
- + Ngành Logistic: 1 lớp
- + Ngành Thiết kế trang Web: 1 lớp

- Trình độ Cao đẳng: 10 lớp, trong đó:

- + Ngành Kế toán doanh nghiệp: 3 lớp
- + Ngành Thống kê doanh nghiệp: 1 lớp
- + Ngành Quản trị mạng máy tính: 1 lớp
- + Ngành Phiên dịch tiếng Anh thương mại: 1 lớp
- + Ngành Tiếng Anh: 1 lớp
- + Ngành Marketing thương mại: 1 lớp
- + Ngành Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ: 1 lớp
- + Ngành Logistic: 1 lớp

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các Khoa lập kế hoạch phân công giáo viên giảng dạy các môn học nộp về phòng Quản lý Đào tạo và Nghiên cứu khoa học trước ngày 05/01/2023.

- Căn cứ vào Kế hoạch, Phòng Quản lý đào tạo và Nghiên cứu khoa học triển khai cho HSSV đăng ký môn học, Mở lớp môn học và theo dõi tiến độ học tập; tổ chức các kỳ thi hết môn theo quy định.

- Phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tài vụ, các ban, các Hội đồng phối hợp với các phòng, các khoa thực hiện nhiệm vụ được giao (bố trí, vệ sinh phòng học, thu học phí, ...)

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Trường (b/c);
- Các Khoa (thực hiện);
- Phòng QLĐT&NCKH;
- Phòng TCHC,TV;
- Trung tâm TS,HT&TV;
- Website: thongke2.edu.vn;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Hà Đức Thủy